TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN BÀN** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thứ và bà Vũ Thị Vẻ;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2022 việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị V, sinh năm 1991. Nơi ĐKHKTT: Thôn 2 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1988. Nơi ĐKHKTT: Thôn 2 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

- *Người làm chứng*: Ông Lục Văn L. Trưởng Thôn 2 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nông Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn L chung sống như vợ chồng từ năm 2011 và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống đến tháng 6/2018 thì phát sinh nhiều

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L nhiều lần say rượu và chửi mắng vợ con. Ngoài ra, vợ chồng cũng bất đồng trong quan điểm sống, bất đồng về tính cách. Vì vậy, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Từ đầu năm 2019, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Văn L.

Về con: Vợ chồng anh chị có 02 người con chung là: Cháu Phạm Quỳnh T, sinh ngày 22/7/2012 và cháu Phạm Ngọc K, sinh ngày 27/5/2015. Hiện nay các cháu đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai cháu Phạm Quỳnh T và Phạm Ngọc K cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh Phạm Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu K.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Phạm Văn L:

Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ cho bị đơn anh Phạm Văn L. Tuy nhiên, anh L chỉ cung cấp cho Tòa án bản Phô tô chứng minh thư nhân dân. Đến tháng 02/2022, anh L vắng mặt tại nơi cư trú, nên Tòa án đã niêm yết các văn bản: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Đến nay, anh Phạm Văn L cũng không viết bản tự khai gửi Tòa án và cố tình không lên trụ sở Tòa án để làm việc. Do vậy, hồ sơ vụ án không có ý kiến của anh Phạm Văn L đối với các yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị V.

Ủy ban nhân dân xã M và trưởng thôn 2 M xác định: Về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của chị Nông Thị V là đúng.

Ngày 09/3/2022, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với nguyên đơn chị Nông Thị V, anh Phạm Văn L vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Nông Thị V có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn chị Nông Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Phạm Văn L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, không có lý do theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Để giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nông Thị V được ly hôn với anh Phạm Văn L.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Quỳnh T, sinh ngày 22/7/2012 và cháu Phạm Ngọc K, sinh ngày 27/5/2015 cho chị Nông Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Nông Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Văn L, sinh năm 1988. Nơi ĐKHKTT: Thôn 2 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai.Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Nông Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của Nguyên đơn chị Nông Thị V, người làm chứng, kết quả xác minh tại UBND xã M có đủ căn cứ xác định: Chị

Nông Thị V và anh Phạm Văn L chung sống như vợ chồng từ năm 2011 và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống đến tháng 6/2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L nhiều lần say rượu và chửi mắng vợ con. Ngoài ra, vợ chồng cũng bất đồng trong quan điểm sống, bất đồng về tính cách. Vì vậy, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Từ đầu năm 2019, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn L: Mặc dù đã được Tòa án yêu cầu nhưng anh L không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía Nguyên đơn chị Nông Thị V, lời khai của người làm chứng; xác minh tại chính quyền địa phương để giải quyết vụ án.

Mặt khác, việc anh L không lên Tòa án làm việc cũng chứng tỏ anh không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng.

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị Nông Thị V và anh Phạm Văn L trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân, thời gian sống ly thân đã nhiều năm, tình cảm phai nhạt, cuộc hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị V về việc ly hôn với anh Phạm Văn L.

[4] Về con chung: Chị Nông Thị V và anh Phạm Văn L có 02 con chung là cháu Phạm Quỳnh T, sinh ngày 22/7/2012 và cháu Phạm Ngọc K, sinh ngày 27/5/2015. Hiện các cháu đang ở cùng chị V. Khi ly hôn chị V có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu cho đến khi các trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị V làm nghề trồng trọt, chăn nuôi, thu nhập từ 05 đến 06 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con. Bản thân cháu Phạm Quỳnh T có nguyện vọng được ở với chị V.

Đối với anh Phạm Văn L từ tháng 02/2022 đến nay đã vắng mặt tại nơi cư trú, trong thời gian chung sống vợ chồng, anh cũng thường xuyên vắng nhà và không quan tâm, chăm sóc đến con. Quá trình giải quyết vụ án anh L cũng không có ý kiến gì về yêu cầu giải quyết việc nuôi con của chị V.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy cần thiết phải giao cháu T và cháu K cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

[5] Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị V phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 điều 147, khoản 1, 3 điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Nông Thị V:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị V được ly hôn với anh Phạm Văn L.

- Về con chung: Chị Nông Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Quỳnh T, sinh ngày 22/7/2012 và cháu Phạm Ngọc K, sinh ngày 27/5/2015 cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Nông Thị V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004241 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Nông Thị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã D (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa